

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2023

V/v “Ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Thúy Phụng**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** - Ông **Trần Đức Phát**

- Bà **Nguyễn Thị Bé**

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Bà
Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh
Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ
lý số: 01/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17
tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Nh**; Sinh năm 1980

Trú tại: Thôn T, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông **Vũ N**; Sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn T, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Nh trình bày thì:***

Bà và ông Vũ N sau một thời gian quen biết tìm hiểu nhau được một năm
thì tiến tới hôn nhân, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện
L, tỉnh Lâm Đồng vào năm 1998. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với
nhau tại xã R cho đến nay, nhưng trong thời gian chung sống thì vợ chồng
không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông N không quan tâm, chia sẻ với
vợ trong cuộc sống mà còn thường xuyên đánh đập bà do nghi ngờ bà có mối
quan hệ bất chính với người đàn ông khác, ghen tuông vô cớ do đó mâu thuẫn
vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài vì vậy bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông Vũ N.

Về con chung bà và ông N có 05 con chung là cháu Vũ A, sinh ngày 30/11/1999, cháu Vũ B, sinh ngày 13/11/2001, cháu Vũ C, sinh ngày 13/06/2009, cháu Vũ D, sinh ngày 11/02/2011 và cháu Vũ E, sinh ngày 27/7/2021. Hiện nay cháu A và cháu B đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, các còn lại cháu đang ở cùng bố mẹ tại thôn T, xã R, huyện Đ, các cháu được học tập và phát triển bình thường.

Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc ba con chung là cháu C, cháu D, cháu E và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Công việc hiện nay của bà là làm nông nên không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung không có.

Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của bị đơn ông Vũ N thì:***

Ông thừa nhận có quan hệ hôn nhân, con chung như nội dung bà Nh trình bày là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay vẫn còn và nguyện vọng ông muốn quay về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con cái.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông muốn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc ba con chung là cháu C, cháu D, cháu E và không yêu cầu bà Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu A và cháu B đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung không có.

Hiện nay, công việc chính của ông là làm nông, không có thu nhập ổn định nhưng ông còn tranh thủ làm thêm công việc khác kiếm thêm thu nhập để nuôi các con ăn học.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Nh và ông N có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, bà Nh yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân đã được xác minh, đã có đủ cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ C, sinh ngày 13/06/2009, cháu Vũ D, sinh ngày 11/02/2011 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C, cháu D đủ 18 tuổi, bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Vũ E, sinh ngày 27/7/2021 cho

bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Nh và ông Vũ N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, vào năm 1998. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với N, ông N không đồng ý và hiện nay ông N, bà Nh đang sinh sống tại thôn T, xã R, huyện Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Tranh chấp ly hôn, nuôi dưỡng con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nh và ông Vũ N đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R nên xác định hôn nhân của bà Nguyễn Nh và ông Vũ N là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà Nh, ông N xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thương yêu lẫn nhau, thường xuyên xung đột, chửi bới và thậm chí xúc phạm lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút nghiêm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay bà Nh thấy rằng bà không còn tình cảm với ông N nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vũ N. Còn ông N thì cho rằng trong cuộc sống chung của vợ chồng đôi lúc do áp lực công việc nên ông có nóng tính và không kiểm soát hành vi của mình dẫn đến có bạo lực với bà Nh, mặc dù ông đã rất cố gắng để kiềm chế. Mâu thuẫn vợ chồng ông phát sinh từ lâu nhưng chưa gay gắt đến mức nghiêm trọng nên ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình nhưng ông không có hành động gì để chứng tỏ ông có thiện chí và thật sự mong muốn hai bên hàn gắn tình cảm để cùng chung sống với nhau hạnh phúc. Thêm vào đó, trước đây bà Nh đã khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N tại Tòa án nhân dân huyện Đ và được giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 18/2021/QĐST – HNGĐ ngày 23/6/2021 với lý do bà Nh rút đơn khởi kiện, ông N không lấy đó làm cơ sở để vợ chồng xây dựng lại tình cảm, giữ gìn hạnh phúc gia đình dẫn đến bà Nh lại tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N mà chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy bà Nh và ông N đang sinh sống tại địa phương thôn T, xã R, huyện Đ, cả hai đều có nghề nghiệp chính là làm nông, có điều kiện kinh tế ngang nhau và đều muốn nhận nuôi con chung và để cả hai đều

có trách nhiệm đối với con chung sau khi ly hôn nên cần thiết giao con chung cho các bên để các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất cũng như theo nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Vũ C, sinh ngày 13/06/2009, cháu Vũ D, sinh ngày 11/02/2011 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C, cháu D đủ 18 tuổi, bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con, giao cháu Vũ E, sinh ngày 27/7/2021 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về tài sản chung:** Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] **Về nợ chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Nguyễn Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Nh và bị đơn ông Vũ N được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ C, sinh ngày 13/06/2009, cháu Vũ D, sinh ngày 11/02/2011 cho ông Vũ N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C và cháu D đủ 18 tuổi, bà Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Vũ E, sinh ngày 27/7/2021 cho bà Nguyễn Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Nh phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010197 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà Nh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã R, H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

***T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

Đỗ Thị Thúy Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	
Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên
tòa	

Nguyễn Thị Bé

Trần Đức Phát

Đỗ Thị Thúy Phượng